

Bản án số: 279/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23-9-2024

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Như Hiền.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Ngô Văn Bê

Ông Hoàng Văn Thành

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2024/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 200/2024/QĐ-ST ngày 05/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 162/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22/8/2024 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 04/4/1995 (vắng mặt)

Nơi thường trú: thôn M, xã M, thị xã V, tỉnh Bắc Giang. Hiện đang lao động tại Đài Loan.

Chị H ủy quyền cho anh Hoàng Văn H1, sinh ngày 19/02/1989; Nơi thường trú: tổ dân phố Y, phường N, thị xã V, tỉnh Bắc Giang giao nhận tài liệu với Tòa án.

**2. Bị đơn:** Anh Nguyễn Đình Q, sinh ngày 24/8/1988 (vắng mặt)

Nơi thường trú và nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam: thôn M, xã M, thị xã V, tỉnh Bắc Giang. Hiện đang lao động tại nước ngoài, không rõ địa chỉ.

**3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Nguyễn Đình N, sinh năm 1967 (vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Đều thường trú: thôn M, xã M, thị xã V, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H (có xác nhận của Văn phòng Kinh tế - Văn hóa Việt Nam tại Đ) trình bày:*

Về hôn nhân: Chị, anh Q được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 02/10/2012 tại Ủy ban nhân dân xã M, thị xã V, tỉnh Bắc Giang. Sau kết hôn chị về nhà anh Q làm dâu, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Do điều kiện kinh tế khó khăn, năm 2018 chị, anh Q cùng sang Đài Loan lao động. Sang Đài Loan vợ chồng vẫn hòa thuận nhưng đến tháng 01/2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên từ đó không còn liên lạc với nhau nữa. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Trong thời gian mâu thuẫn, vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện với mong muốn tiếp tục chung sống để chăm sóc con nhưng do bất đồng quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện đã gọi điện khuyên bảo vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên không về đoàn tụ được. Kể từ tháng 02/2022 đến nay chị và anh Q không còn quan tâm đến nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Đình Q.

Về con chung: Chị, anh Q có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị M, sinh ngày 17/4/2013 và cháu Nguyễn Đình Anh Đ, sinh ngày 03/10/2014. Hiện nay các cháu đang sinh sống cùng anh Q, ông N, bà K (ông bà nội). Sau ly hôn chị đề nghị giao cháu M, Đ cho anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nhưng do anh Q đang lao động tại Đài Loan nên chị đề nghị tạm giao cháu M, Đ cho ông N, bà K chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh Q về nước sinh sống.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị H trình bày: Do bận công việc nên chị không đến Tòa án làm việc được. Vì vậy chị đề nghị được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc mà Tòa án triệu tập, vắng mặt các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại các phiên tòa xét xử.

*Anh Nguyễn Đình Q là bị đơn không có mặt tại địa phương, không gửi văn bản giấy tờ, tài liệu về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.*

Tại biên bản làm việc ngày 26/7/2024 và 07/8/2024, ông Nguyễn Đình N, bà Nguyễn Thị K là bố mẹ anh Q cho biết.

Về hôn nhân của anh Q, chị H ông, bà cho biết: Anh, chị được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, hỏi theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, thị xã V, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị H về nhà ông, bà làm dâu và chung sống hòa thuận. Do điều kiện kinh tế khó khăn, năm 2018 anh Q, chị H cùng sang Đài Loan lao động. Sang Đài Loan anh, chị vẫn hòa thuận nhưng từ năm 2022 đến nay ông bà

thấy anh Q nói vợ chồng có mâu thuẫn nên không còn liên lạc với nhau. Ông, bà có khuyên bảo anh, chị nhưng không được.

Về con chung: anh Q, chị H có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị M, sinh ngày 17/4/2013 và cháu Nguyễn Đình Anh Đ, sinh ngày 03/10/2014. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng anh Q, ông N, bà K (ông bà nội) tại thôn M, xã M, thị xã V, tỉnh Bắc Giang.

Ngoài ra ông bà cho biết: Trước khi đi lao động tại Đài Loan anh Q sinh sống cùng gia đình tại thôn M, xã M, thị xã V, tỉnh Bắc Giang. Sau khi sang Đài Loan anh Q vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình. Ông bà đã thông báo cho anh Q biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa chị H và anh Q thì được anh Q cho biết: anh đồng ý ly hôn với chị H và đề nghị giao các con chung cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tuy nhiên, anh Q không cung cấp địa chỉ nơi làm việc, nơi ở và ý kiến bằng văn bản cho Tòa án được. Anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình N, bà Nguyễn Thị K trình bày:* Ông, bà đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M, Đức thay cho anh Q cho đến khi anh Q về nước sinh sống. Ông, bà xác định đây vừa là quyền cũng như nghĩa vụ của ông, bà đối với con cháu nên không yêu cầu chị H, anh Q phải trích trả công sức chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M, Đ trong thời gian cháu sinh sống cùng ông, bà. Ông, bà không yêu cầu chị H, anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh Quảng hàng tháng vẫn gửi tiền cho ông, bà để nuôi con.

Ngoài ra, ông N, bà K trình bày: Do bận công việc nên ông, bà không đến Tòa án làm việc được. Vì vậy ông, bà đề nghị được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc mà Tòa án triệu tập, vắng mặt các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại các phiên tòa xét xử.

*Cháu Nguyễn Thị M, cháu Nguyễn Đình A Đ trình bày:* Các cháu hiện nay đang sinh sống cùng ông bà nội tại thôn M, xã M, thị xã V, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống các cháu được ông bà nội chăm sóc chu đáo, cẩn thận, được đưa đi học đầy đủ, được nấu cơm cho ăn, cháu phát triển ổn định cả về vật chất và tinh thần. Từ khi bố mẹ đi lao động nước ngoài đến nay các cháu vẫn chung sống ổn định cùng ông bà nội. Do đó, nếu bố mẹ ly hôn các cháu muốn được sinh sống cùng bố và ông bà nội.

*Tại phiên tòa,* chị Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Đình N, bà Nguyễn Thị K vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Đình Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Nguyễn Thị H; biên bản lấy lời khai cháu Nguyễn Thị M, cháu Nguyễn Đình Anh Đ; biên bản làm việc với ông Nguyễn Đình N, bà Nguyễn Thị K và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với bị đơn. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 104, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H; xử:

Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Đình Q.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Thị M, Nguyễn Đình Anh Đ cho anh Nguyễn Đình Q là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nhưng do anh Q đang lao động tại nước ngoài nên đề nghị tạm giao cháu M, Đ cho ông N, bà K chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh Q về nước sinh sống.

Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị H khởi kiện xin ly hôn anh Q và đề nghị giải quyết nuôi con chung. Vì vậy, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại Công văn số 18690/QLXNC-P3 ngày 22/8/2024 của Cục Q1 - Bộ C cung cấp, anh Q xuất cảnh gần nhất ngày 09/5/2018, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Chị H có xác nhận đang làm việc tại Đài Loan của Văn phòng K1 tại Đ. Do đó, chị H, anh Q được xác định là đang ở nước ngoài. Anh Q, chị H đều có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang. Vì vậy, đây là vụ án có đương sự ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt đương sự:

[3.1] Về sự vắng mặt của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[3.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Căn cứ lời khai của nguyên đơn và ông Nguyễn Đình N, bà Nguyễn Thị K (bố mẹ anh Q) Tòa án xác định được nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh của anh Q ở Việt Nam là: thôn M, xã M, thị xã V, tỉnh Bắc Giang. Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho anh Q thông qua gia đình và đề nghị gia đình thông báo cho anh Q biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đình Q. Gia đình anh Q cho biết anh Q vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng anh Q không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của anh Q tại Đài Loan. Nhận thấy, đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cần tổng đạt cho bị đơn và xử vắng mặt bị đơn theo Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đình Q kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 02/10/2012 tại Ủy ban nhân dân xã M, thị xã V, tỉnh Bắc Giang. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Nguyễn Đình Q.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H với anh Nguyễn Đình Q, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị H, anh Q chung sống hòa thuận và cùng đi lao động tại Đài Loan. Nhưng sau khi sang Đài Loan lao động một thời gian vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên không còn liên lạc với nhau nữa. Kể từ đó ai có cuộc sống riêng của người đó, không còn quan tâm đến nhau. Anh Q thông qua gia đình cho biết anh cũng đồng ý ly hôn với chị H2. Do đó, Hội đồng xét xử xác định chị H, anh Q không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H với anh Q là phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế, phù hợp Điều 51, Điều 53 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[5]. Về nuôi con chung: Chị H, anh Q có 02 con chung cháu Nguyễn Thị M, sinh ngày 17/4/2013 và cháu Nguyễn Đình Anh Đ, sinh ngày 03/10/2014.

Hiện nay cháu M, Đ đang sinh sống cùng anh Q và ông bà nội tại thôn M, xã M, thị xã V, tỉnh Bắc Giang. Sau khi ly hôn chị H đề nghị giao cháu M, Đ cho anh Q là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho ông N, bà K chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh Q về nước sinh sống.

Xét yêu cầu giao cháu M, Đ cho anh Q trực tiếp, nuôi dưỡng sau ly hôn của chị H, Hội đồng xét xử thấy: Chị H, anh Q hiện đang lao động tại nước ngoài nên anh Q, chị H đều không đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, ông N, bà K đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M, Đ thay anh Q cho đến khi anh Q về nước sinh sống. Cháu M, Đ trên 07 tuổi có nguyện vọng ở với bố và ông N, bà K (ông bà nội). Trên thực tế từ khi anh Q, chị H đi lao động đến nay cháu M, Đ vẫn sinh sống cùng ông N, bà K, các cháu phát triển ổn định cả về vật chất lẫn tinh thần. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị H về việc giao anh Q là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu M, Đ sau khi ly hôn nhưng tạm giao cho ông N, bà K chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh Q về nước sinh sống là phù hợp với tình hình thực tế, phù hợp Điều 81, 82, 83, 104 Luật hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp chị Nguyễn Thị H về nước sinh sống, có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị H, anh Q, ông N, bà K không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về tài sản, công nợ chung: Do chị H, anh Q, ông N, bà K không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[9]. Về quyền kháng cáo:

Anh Nguyễn Đình Q, chị Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đang ở nước ngoài nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn là 01 tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Đình N, bà Nguyễn Thị K vắng mặt tại phiên tòa nhưng đang ở trong nước nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 104, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

**1.** Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Đình Q.

**2.** Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị M, sinh ngày 17/4/2013 và cháu Nguyễn Đình Anh Đ, sinh ngày 03/10/2014 cho anh Nguyễn Đình Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nhưng tạm giao cháu M, Đ cho ông Nguyễn Đình N, bà Nguyễn Thị K chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh Q về nước sinh sống.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

**3.** Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001394 ngày 17/7/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

**4.** Về quyền kháng cáo bản án: Chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Đình Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Ông Nguyễn Đình N, bà Nguyễn Thị K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Minh Đức, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**Nguyễn Như Hiền**